

# Tờ khai giảm trừ gia cảnh dành cho người có thu nhập chịu thuế từ tiền lương (khi thay đổi công việc) năm 2025



Trường Cơ quan quản lý thuế	Họ tên người chi trả tiền lương (họ tên)	(Cách đọc bằng tiếng Nhật)	Ngày tháng năm sinh của bạn	Ngày tháng năm	Nộp tờ khai giảm trừ gia cảnh đối với tiền lương nhận từ nơi khác  (Trường hợp đã nộp, hãy đánh dấu ○.)
Trường Cơ quan thuế	Mã số pháp nhân (cá nhân) của người chi trả tiền lương	Họ tên của bạn	Tên chủ hộ	Mối quan hệ với bạn	
Người đứng đầu thành phố, quận, phường, xã	Địa điểm (địa chỉ) của người chi trả lương	Mã số cá nhân của bạn	(Mã số bưu điện — )	Có vợ/chồng không	

Nếu bạn không có vợ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn, không có vợ/chồng, người phụ thuộc cùng sinh sống với bạn thuộc diện người khuyết tật, và bạn không phải là người khuyết tật, góa chồng, bố mẹ đơn thân hay sinh viên đi làm thì không cần phải điền vào các cột bên dưới

Phân loại, v.v	(Cách đọc bằng tiếng Nhật) Họ tên	Mã số cá nhân		Số tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025	Người thân là người không cư trú	Địa chỉ hoặc nơi cư trú	Ngày tháng và lý do thay đổi công việc (Trường hợp có thay đổi công việc vào năm 2025 thì hãy ghi vào (tương tự như sau))	
		Mối quan hệ với bạn	Ngày tháng năm sinh					
A	Vợ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn (Chú ý 1)				Yên			
B	Người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ (từ 16 tuổi trở lên) (sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 trở về trước)	1			Yên			
		2			Yên			
		3			Yên			
		4			Yên			
C	Người khuyết tật, góa chồng, bố mẹ đơn thân hay sinh viên đi làm	<input type="checkbox"/> Người khuyết tật <input type="checkbox"/> Góa chồng <input type="checkbox"/> Bố mẹ đơn thân <input type="checkbox"/> Sinh viên đi làm		Nơi dung danh cho người khuyết tật hoặc sinh viên đi làm (Khi nhập thông tin vào cột này, vui lòng đọc (Đ) trong "2" để xuất cho mục nhập "ở mặt sau")			Ngày tháng và lý do thay đổi công việc	
D	Người thân phụ thuộc mà người có thu nhập chịu thuế khác đang được khấu trừ, v.v...	Họ tên	Mối quan hệ với bạn	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ hoặc nơi cư trú	Người có thu nhập chịu thuế khác được khấu trừ Họ tên      Mối quan hệ với bạn      Địa chỉ hoặc nơi cư trú		Ngày tháng và lý do thay đổi công việc

○ **Hạng mục về thuế cư trú** (Cột này là cột điển hình tin của tờ khai người thân phụ thuộc v.v... dành cho người có thu nhập chịu thuế được nộp cho người đứng đầu thành phố, quận, phường, xã thông qua người chi trả tiền lương dựa trên Điều 45-3-2 và Điều 317-3-2 của Luật Thuế địa phương).

Người thân phụ thuộc dưới 16 tuổi (sinh từ ngày 2 tháng 1 năm 2010 trở về sau)	(Cách đọc bằng tiếng Nhật) Họ tên	Mã số cá nhân	Mối quan hệ với bạn	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ hoặc nơi cư trú	Thân nhân phụ thuộc ở nước ngoài không thuộc đối tượng khấu trừ (Nếu thuộc vào trường hợp đó thì hãy đánh dấu ○.)		Số tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025 (B)	Ngày tháng và lý do thay đổi công việc	
						Người thân là người không cư trú (Hãy đánh dấu tích vào các mục phụ hợp?)	Phân loại người khuyết tật			
1								Yên		
2								Yên		
Người thân phụ thuộc - Vợ/chồng có trợ cấp thời việc v.v...	(Cách đọc bằng tiếng Nhật) Họ tên	Mã số cá nhân	Mối quan hệ với bạn	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ hoặc nơi cư trú	<input type="checkbox"/> Vợ/chồng <input type="checkbox"/> Chưa học sinh <input type="checkbox"/> Người khuyết tật	<input type="checkbox"/> Chưa học sinh <input type="checkbox"/> Chưa 16 tuổi trở lên <input type="checkbox"/> Chưa cư trú từ 380.000 Yên trở lên	Yên	<input type="checkbox"/> Bình thường <input type="checkbox"/> Đặc biệt	Ngày tháng và lý do thay đổi công việc  Góa chồng hoặc bố mẹ đơn thân <input type="checkbox"/> Góa chồng <input type="checkbox"/> Bố mẹ đơn thân

Tờ khai này phải được nộp để được giảm trừ gia cảnh, khấu trừ cho người khuyết tật, v.v. từ tiền lương của bạn, và nếu bạn được chi trả tiền lương từ tầng 2 nơi trở lên thì chi có thể nộp cho 1 trong các nơi đó.  
 ● Những người không có vợ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn, vợ/chồng cùng sinh sống là người khuyết tật, người thân phụ thuộc cũng phải nộp tờ khai này.  
 ● Khi điền vào tờ khai này, hãy đọc mục "1 Lưu ý khi điền thông tin tờ khai" ở mặt sau.

※ Ở cột "Số tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025" hãy ghi số thu loại trừ thu nhập chịu thuế từ trợ cấp thời việc ước tính sau.


**1. Lưu ý khi điền thông tin tờ khai**

- (1) Hãy nộp tờ khai này cho người chi trả tiền lương trước ngày nhận lương đầu tiên của năm 2025.
- (2) Về các hạng mục cần điền trong tờ khai này nếu không có thay đổi từ các nội dung ghi trong tờ khai đã nộp trong năm 2024 thông qua người chi trả tiền lương, bạn có thể nộp tờ khai ghi rằng “không có thay đổi” thay cho các hạng mục cần điền đó (sau đây được gọi là “tờ khai đơn giản”). Khi nộp tờ khai đơn giản, hãy xác nhận cách điền (thủ tục điền) trên trang chủ của Cơ quan thuế quốc gia.
- (3) Sau khi nộp tờ khai này, khi có thay đổi trong nội dung, phải nộp riêng tờ khai thay đổi hoặc bổ sung nội dung sau khi thay đổi vào tờ khai này.
- (4) Trường hợp được trả lương từ hai nơi trở lên và không thể được khấu trừ toàn bộ số tiền khấu trừ từ 1 nơi nhận lương: khấu trừ (đặc biệt) vơ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn, giảm trừ gia cảnh, khấu trừ cho người khuyết tật (khi vơ/chồng là đối tượng được khấu trừ thuế thu nhập) thì phải phân chia vơ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn và người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ và nộp “Tờ khai giảm trừ gia cảnh đối với tiền lương nhận từ nơi khác” cho những người chi trả tiền lương khác.
- (5) Khi điều chỉnh cuối năm, trường hợp được khấu trừ cơ bản hoặc khấu trừ (đặc biệt) cho vơ/chồng, cần lập “Tờ khai khấu trừ cơ bản dành cho người có thu nhập từ tiền lương” hoặc “Tờ khai khấu trừ cho vơ/chồng dành cho người có thu nhập chịu thuế từ tiền lương” đã điền các hạng mục cần thiết, nộp cho người chi trả tiền lương vào trước ngày trả lương cuối cùng của năm 2025.

**2. Lưu ý khi điền**

- (1) Trường hợp nộp tờ khai này như là tờ khai đơn giản, hãy điền vào các cột “Họ tên của bạn”, “Địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn” và “Mã số cá nhân của bạn”, và hãy ghi vào chỗ trống, v.v. rằng không có thay đổi từ các hạng mục đã điền vào tờ khai nộp trong năm trước.
- (2) Trong cột “Mã số cá nhân của bạn” và “Mã số cá nhân”, cần phải điền Số My Number (Mã số cá nhân) của bạn, của vơ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn, người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ, người thân phụ thuộc dưới 16 tuổi, hoặc vơ/chồng/người thân phụ thuộc có trợ cấp thời việc v.v... Tuy nhiên tùy theo các trường hợp nhất định, cũng có những trường hợp không cần phải điền Số My Number (Mã số cá nhân) nên hãy xác nhận với người chi trả tiền lương.
- (3) Người chi trả tiền lương khi tiếp nhận tờ khai này, hãy điền mã số pháp nhân của người chi trả tiền lương hoặc Số My Number (Mã số cá nhân) vào trong cột “Mã số pháp nhân (cá nhân) của người chi trả tiền lương.
- (4) “Lương chính” là lương nhận được từ người chi trả tiền lương đã nộp tờ khai này, “Lương nhận từ nơi khác” là lương nhận được từ người chi trả các khoản tiền lương khác.
- (5) Trường hợp người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ là bố mẹ già cùng sinh sống, v.v... thì hãy tích vào mục “Bố mẹ già cùng sinh sống, v.v...” trong cột “Người thân phụ thuộc là người cao tuổi”. Trường hợp người thân phụ thuộc là người cao tuổi không phải là bố mẹ già cùng sinh sống, v.v... thì hãy tích vào mục “Khác”. Ngoài ra, trường hợp người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ là người thân phụ thuộc đặc biệt, hãy đánh dấu vào cột “Người thân phụ thuộc đặc biệt”.
- (6) Hãy điền vào cột “Số tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025” số tiền sau khi đã trừ đi những chi phí cần thiết từ số tiền thu nhập. Trường hợp này, nếu loại thu nhập chịu thuế là tiền lương, khi số tiền khấu trừ các khoản khấu trừ thu nhập chịu thuế từ tiền lương từ số tiền thu nhập (ví dụ số tiền thu nhập là dưới 1.619.000 yên) thì số tiền trừ đi 550.000 yên (giới hạn số tiền thu nhập) là số tiền thu nhập chịu thuế từ lương. Ngoài ra, thu nhập chịu thuế sẽ tính trừ cấp hưu trí cho người thân của người đã mất được miễn thuế, tiền lãi được đánh thuế riêng tại nguồn, có thể đối với các có phiếu niêm yết v.v... đã quyết định không chịu thuế, sẽ không bao gồm trong thu nhập chịu thuế cơ bản được xác định khấu vơ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn hoặc người thân phụ thuộc, v.v...  
(7) Trường hợp vơ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn hoặc người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ là người không cư trú <sup>(bản)</sup> thì hãy tích dấu o vào trong cột “Người thân là người không cư trú”. Ngoài ra, trường hợp người thân phụ thuộc được khấu trừ là người không cư trú, và người không cư trú này có độ tuổi từ 16 tuổi trở lên và dưới 30 tuổi hoặc từ 70 tuổi trở lên, hãy tích vào phần “Từ 16 tuổi trở lên và dưới 30 tuổi hoặc từ 70 tuổi trở lên” ở cột “Người thân là người không cư trú”, nếu người không cư trú đó độ tuổi từ 30 tuổi đến dưới 70 tuổi và đáp ứng điều kiện nhất định (người tương ứng với mục 4 ㉔(b) c bên dưới) thì hãy tích vào mục thích hợp trong số các nội dung là “Du học sinh”, “Người khuyết tật” hoặc “Khoản chi trả từ 380.000 Yên trở lên” ở cột “Người thân là người không cư trú” (nếu tương ứng với 2 nội dung trở lên thì cũng ghi tích vào 1 nội dung)  
(Chú ý): “Người không cư trú” là người không có địa chỉ tại Nhật Bản và đã không sinh sống liên tiếp tại Nhật Bản từ một năm trở lên.  
(8) Trường hợp người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ là người không cư trú, hãy ghi tổng số tiền đã gửi cho người thân đó trong năm 2025 vào đợt điều chỉnh cuối năm vào cột “Tình trạng thực tế cùng sinh sống”.
- (9) Hãy điền từng hạng mục sau vào cột “Nội dung dành cho người khuyết tật hoặc sinh viên đi làm”  
(a) Người khuyết tật (người khuyết tật đặc biệt) ..... Tình trạng khuyết tật hoặc tình hình thực tế tương ứng với người khuyết tật (người khuyết tật đặc biệt) với các thông tin về loại khuyết tật và ngày tháng năm đã được cấp, mức độ khuyết tật (mức khuyết tật, v.v... trong số ghi chép đã được cấp.  
Trường hợp năm đó là vơ/chồng cùng sinh sống hoặc người thân phụ thuộc, họ tên người đó (trường hợp người đó là người khuyết tật đặc biệt thì có sống chung/ không sống chung), Số My Number (Mã số cá nhân) (chú ý), địa chỉ hoặc nơi cư trú, ngày tháng năm sinh, mối quan hệ với bạn, số tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025 (trong các hạng mục này, hạng mục ghi trong các cột “Vơ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn” cột “Người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ” hoặc là cột trong “Hạng mục về thuế cư trú”, có thể không bao gồm người họ tên và học bộ phận mô tả).  
Ngoài ra, trường hợp vơ/chồng cùng sinh sống hoặc người thân phụ thuộc là người không cư trú, sẽ là tổng số tiền đã chuyển tiền cho vơ/chồng cùng sinh sống đó hoặc người thân phụ thuộc đó trong năm 2025 (tổng số tiền đã chuyển tiền, v.v... được điền khi điều chỉnh cuối năm)  
(Chú ý): Trong các điều kiện nhất định, cũng có những trường hợp không cần phải điền mã Số My Number (Mã số cá nhân) nên hãy xác nhận với người chi trả tiền lương.  
(b) Sinh viên đi làm.....Tên trường học, ngày tháng năm nhập học, loại thu nhập chịu thuế và số tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025  
(Chú ý): Người tương ứng với bố mẹ đơn thân hoặc góa chồng không cần điền cột này.
- (10) Trường hợp có từ 2 người trở lên có thu nhập chịu thuế cùng sinh sống, có thể đăng ký người thân phụ thuộc của bạn (vơ/chồng là đối tượng khấu trừ, người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ hoặc vơ/chồng trẻ cùng sinh sống và người khuyết tật hoặc người thân phụ thuộc dưới 16 tuổi) là người thân phụ thuộc của người có thu nhập chịu thuế còn lại hoặc có thể phân chia người thân phụ thuộc cùng sinh sống để nhận khấu trừ. Trường hợp này, hãy ghi họ tên người thân phụ thuộc đó vào cột “D”.
- (11) “Hãy điền vào cột “Hạng mục về thuế cư trú” trong trường hợp trong số ① người thân phụ thuộc có người thuộc độ tuổi dưới 16 tuổi và trường hợp ② vơ/chồng có (giới hạn với người có khoản thu nhập chịu thuế ước tính từ 1.330.000 Yên trở xuống, trừ trường hợp thu nhập từ hưu trí) có trợ cấp thời việc v.v... (chi giới hạn những khoản được khấu trừ tại nguồn. Tương tự với mục (10) dưới đây) hoặc trường hợp có người thân phụ thuộc và trường hợp ③ góa chồng hoặc bố mẹ đơn thân (Chỉ đối với trường hợp có người thân phụ thuộc được nhận trợ cấp hưu trí). (Thuế cư trú được quy định không bao gồm khoản thu nhập là trợ cấp thời việc năm trong khoản thu nhập chịu thuế có điều kiện người thân phụ thuộc v.v...). Trường hợp người thân phụ thuộc dưới 16 tuổi được chi trả trợ cấp thời việc, v.v. và số tiền thu nhập chịu thuế ước tính bao gồm thu nhập chịu thuế từ trợ cấp thời việc vượt quá 480.000 Yên thì hãy điền vào cột “Người thân phụ thuộc dưới 16 tuổi” mà chỉ điền vào cột “Người thân phụ thuộc – Vơ/chồng có trợ cấp thời việc v.v...”. Ngoài ra, trường hợp điền vào cột “Người thân phụ thuộc sống ở nước ngoài không thuộc đối tượng khấu trừ” hoặc cột “Thân nhân không có địa chỉ trong nước”, thì trường hợp cho đến ngày 16 tháng 3 năm 2026 phải nộp giấy tờ quy định ở 3(2) bên dưới tới làng xã, thị trấn, quận, thành phố nơi có địa chỉ của bạn. Trong hạng mục vào cột trong “Hạng mục về thuế cư trú”, nếu có vấn đề gì chưa rõ, hãy phương, xã nơi bạn sinh sống.

**3. Giấy tờ kèm**

- (1) Đối với những người làm việc vào giữa năm và có việc làm trước đó, hãy gửi kèm Phiếu khấu trừ tại nguồn, v.v... được cấp từ nơi làm việc trước đó. Ngoài ra, đối với những người thay đổi lương nhận từ nơi khác thành lương chính vào giữa năm, hãy gửi kèm Phiếu khấu trừ tại nguồn, v.v... được cấp từ nơi chi trả tiền lương chính trước khi thay đổi.
- (2) Về chi tiết thủ tục liên quan đến các giấy tờ phải đính kèm, v.v. trong trường hợp người thân được nêu dưới đây là người không cư trú, hãy tham khảo “Danh cho đối tượng áp dụng giảm trừ gia cảnh cho thân nhân không cư trú” trên trang chủ của Cơ quan thuế quốc gia.  
(a) Người thân phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh hoặc khấu trừ cho người khuyết tật  
(b) Vơ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn  
(c) Vơ/chồng cùng sinh sống nhận khấu trừ người khuyết tật  
[Danh cho đối tượng áp dụng giảm trừ gia cảnh cho thân nhân không cư trú]  

- (3) Nếu bạn là một sinh viên đang làm (Chỉ cho đối với học viên trường nghề và các trường đào tạo đặc biệt ở học viên của các trung tâm dạy nghề thời), vui lòng đính kèm bản sao giấy chứng nhận Hiệu trưởng, Người đại diện theo pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi cấp.

**4. Phạm vi người thân phụ thuộc**

<p><b>① Vơ/chồng cùng sinh sống]</b> Trường hợp vơ/chồng cùng sinh sống (không bao gồm người nhận chi trả tiền lương như nhân viên trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh và lĩnh vực kinh doanh màu trắng) với người có thu nhập chịu thuế (người nộp tờ khai này), số tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025 là từ 480.000 yên trở xuống (trường hợp chi có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập tiền lương là từ 1.030.000 yên trở xuống).</p>
<p><b>② Vơ/chồng là đối tượng khấu trừ]</b> Trong số các trường hợp vơ/chồng cùng sinh sống theo mục ①, thì vơ/chồng có thu nhập chịu thuế với số tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025 là từ 10.000.000 yên trở xuống.</p>
<p><b>③ Vơ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn]</b> Trường hợp vơ/chồng cùng sinh sống (không bao gồm người nhận chi trả tiền lương như nhân viên trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh và lĩnh vực kinh doanh màu trắng) với người có thu nhập chịu thuế (giới hạn trong số người có thu nhập chịu thuế ước tính năm 2025 từ 9.000.000 yên trở xuống), số tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025 là từ 950.000 yên trở xuống (trường hợp chi có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập tiền lương là từ 1.500.000 yên trở xuống). (Chú ý): Không thể cùng xin khấu trừ tại nguồn thu nhập nếu cả vợ và chồng đều xin khấu trừ tại nguồn nên hãy chú ý.</p>
<p><b>④ Người thân phụ thuộc]</b> Trường hợp người thân cùng sinh sống (không bao gồm vơ/chồng, người được chi trả tiền lương như người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh và lĩnh vực kinh doanh màu trắng) với người có thu nhập chịu thuế, là con nuôi theo quy định về Luật phúc lợi trẻ em hoặc là người già cần chăm sóc theo quy định của Luật phúc lợi đối với người cao tuổi và số tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025 là từ 480.000 yên trở xuống.</p>
<p><b>⑤ Người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ]</b> Trong số người thân phụ thuộc ở mục ④, những người thuộc đối tượng sau đây theo phân loại của các trường hợp sau. (a) Trường hợp người thân phụ thuộc là người cư trú người từ 16 tuổi trở lên (sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 trở về trước) (b) Trường hợp người thân phụ thuộc là người không cư trú người tương ứng với một trong những nội dung dưới đây a. Người từ 16 tuổi trở lên và dưới 30 tuổi (sinh trong khoảng từ ngày 2 tháng 1 năm 1996 đến ngày 1 tháng 1 năm 2010) b. Người từ 70 tuổi trở lên (sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 1956 trở về trước) c. Người từ 30 tuổi trở lên và dưới 70 tuổi (sinh trong khoảng từ ngày 2 tháng 1 năm 1956 đến ngày 1 tháng 1 năm 1996), “người không có địa chỉ và nơi cư trú trong nước do du học”, “người khuyết tật”, hoặc “người nhận từ 380.000 Yên trở lên là chi trả cho trang trại chi phi sinh sản và chi phí học tập trong năm 2025 từ bạn”</p>
<p><b>⑥ Người thân phụ thuộc đặc biệt]</b> Trong số người thân phụ thuộc là đối tượng được khấu trừ ở mục ⑤, là người từ 19 tuổi trở lên và dưới 23 tuổi (sinh trong khoảng từ ngày 2 tháng 1 năm 2003 đến ngày 1 tháng 1 năm 2007)</p>
<p><b>⑦ Người thân phụ thuộc là người cao tuổi]</b> Trong số thân nhân phụ thuộc là đối tượng khấu trừ thuộc mục ⑤, là người từ 70 tuổi trở lên (sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 1956 trở về trước)</p>
<p><b>⑧ Bố mẹ già cùng sinh sống, v.v...]</b> Trong số người thân phụ thuộc là người cao tuổi ở mục ⑦, là cha mẹ của người có thu nhập chịu thuế hoặc vơ/chồng người đó cùng sinh sống hàng ngày với người có thu nhập chịu thuế hoặc vơ/chồng người đó.</p>
<p><b>⑨ Người khuyết tật (người khuyết tật đặc biệt)]</b> Là bản thân người có thu nhập chịu thuế hoặc là vơ/chồng cùng sinh sống trong mục ① và người thân phụ thuộc trong mục ④ (a) Người thường xuyên mất năng lực nhận thức hiện tương thực tế do rối loạn tâm thần..... được định nghĩa là người khuyết tật đặc biệt (b) Người được bác sĩ chuyên khoa sức khỏe thần kinh chuẩn đoán là người khuyết tật về trí tuệ..... trong đó người được chuẩn đoán là người khuyết tật về trí tuệ với mức độ nặng thì được định nghĩa là người khuyết tật đặc biệt (c) Người được cấp số phúc lợi và sức khỏe đánh cho người khuyết tật tâm thần..... trong đó những người khuyết tật với mức khuyết tật 1 được định nghĩa là người khuyết tật đặc biệt. (d) Người được mô tả trong số tay người khuyết tật về thân thể là người có khuyết tật trên thân thể..... trong đó những người có mức độ khuyết tật là mức 1 hoặc mức 2 được định nghĩa là người khuyết tật đặc biệt (e) Người được cấp số tay đánh cho thương tật do chiến tranh..... trong đó những người có mức độ thương tật từ hạng mục bệnh đặc biệt trong bảng 2 của Điều 1 tới hạng mục bệnh thuộc Điều 3 Theo Luật trợ cấp đối tượng trong binh, được định nghĩa là người khuyết tật đặc biệt (f) Người được cấp chứng nhận của Bộ trưởng Bộ Y tế và Lao động theo Luật hỗ trợ những người sống sót sau vụ nổ bom nguyên tử..... được định nghĩa là người khuyết tật đặc biệt (g) Người bệnh nan liệt giường và cần chăm sóc đặc biệt..... được định nghĩa là người khuyết tật đặc biệt (h) Người từ 65 tuổi trở lên có căn tật về thể xác (sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 1961 trở về trước), người được xác nhận của thị trường thành phố, quận tương các quận đặc biệt, trường phòng phước lợi có khuyết tật tương ứng được liệt kê trong mục (a), (b) hoặc (d)..... trong số này những người có mức độ khuyết tật tương ứng với người khuyết tật đặc biệt trong mục (a), (b) hoặc (d) được định nghĩa là người khuyết tật đặc biệt.</p>
<p><b>⑩ Người khuyết tật đặc biệt cùng sinh sống]</b> Người sống cùng với người thuộc 1 trong các trường hợp sau: Người khuyết tật là vơ/chồng cùng sinh sống ở mục ① hoặc là người thân phụ thuộc ở mục ④ ; người có thu nhập chịu thuế; vơ/chồng của người có thu nhập chịu thuế đó hoặc người khác có cùng nguồn thu nhập với người có thu nhập chịu thuế.</p>
<p><b>⑪ Góa chồng]</b> Là bản thân người có thu nhập chịu thuế, và thuộc bất kỳ đối tượng trong ứng nào sau đây, có thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025 là từ 5.000.000 yên trở xuống (trường hợp chi có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập từ lương là từ 6.777.778 yên trở xuống), và là từ 480.000 yên trở xuống được công nhận là đang trong mối quan hệ như vơ/chồng với người có thu nhập chịu thuế đó (ngoại trừ người tương ứng với bố mẹ đơn thân ở mục ②.) (a) Người chưa tái hôn sau khi ly hôn với chồng, có người thân phụ thuộc ở mục ④. (b) Người chưa tái hôn sau khi chồng mất, hoặc người không rõ tình trạng sống chết của chồng</p>
<p><b>⑫ Bố mẹ đơn thân]</b> Là bản thân người có thu nhập chịu thuế, trong số những người đáp ứng tất cả những điều sau, có thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025 là từ 5.000.000 yên trở xuống, và là người không có đối tượng được công nhận là đang trong mối quan hệ như vơ/chồng với người có thu nhập chịu thuế đó (a) Người hiện tại chưa kết hôn, hoặc người không rõ tình trạng sống chết của vơ/chồng (b) Người có con cùng chịu chi phí sinh hoạt với người có thu nhập chịu thuế đó (không bao gồm người được xem là vơ/chồng cùng sinh sống của người khác ở mục ①, hoặc người được xem là người thân phụ thuộc của người khác ở mục ④ và chi áp dụng cho trẻ có tổng số tiền thu nhập chịu thuế, v.v... ước tính trong năm 2025 từ 480.000 yên trở xuống.)</p>
<p><b>⑬ Sinh viên đi làm]</b> Là bản thân người có thu nhập chịu thuế, đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây (a) Sinh viên, học sinh của các trường đại học, trung học phổ thông, v.v... hoặc sinh viên tại các trường đào tạo đặc biệt và các trường dạy nghề có điều kiện nhất định, hoặc học viên của các trung tâm dạy nghề được cấp phép (b) Có thu nhập chịu thuế từ việc kinh doanh nhờ sự lao động của bản thân, thu nhập chịu thuế từ tiền lương, thu nhập chịu thuế từ trợ cấp thời việc hoặc thu nhập chịu thuế từ công việc khác (dưới đây gọi là “Các nguồn thu nhập chịu thuế từ tiền lương”) (c) Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm 2025 là từ 750.000 yên trở xuống (trường hợp chi có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì thu nhập là từ 1.300.000 yên trở xuống), trong đó thu nhập chịu thuế khác ngoài các nguồn thu nhập chịu thuế từ tiền lương phải từ 100.000 yên trở xuống.</p>